

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ THÀNH CÔNG**

Mẫu số 04/QĐ-CKNS
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 116 /QĐ-UBND

Thành Công, ngày 10 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THÀNH CÔNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số: 163/2016/NĐ- CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ vào Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 53 /NQ-HĐND ngày 16/08/2023 về phê duyệt quyết toán thu- chi ngân sách xã thành Công năm 2022;

Xét đề nghị của Công chức tài chính – kế toán:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2022 của xã Thành Công.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND, Bộ phận tài chính kế toán tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Phòng Tài chính- Kế hoạch;
- Đảng uỷ xã;
- HĐND xã;
- Các ban, ngành, đoàn thể;
- Các xóm;
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH

Đặng Văn Ty

Số : 04 /TB-UBND

Thành Công, ngày 10 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO
Công khai quyết toán ngân sách năm 2022

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

UBND xã Thành Công thông báo niêm yết công khai quyết toán ngân sách xã năm 2022.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Hình thức công khai: Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh của phường, dán niêm yết tại trụ sở UBND xã Thành Công, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của xã.

Trên đây là thông báo của UBND xã về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2022 để toàn bộ các cán bộ, công chức, các ban ngành, đoàn thể, các xóm được biết.

Nơi nhận :

- Phòng Tài chính -KH;
- Thường trực HĐND;
- Đài truyền thanh xã;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu.

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Văn Ty

BIÊN BẢN
Niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách
UBND xã Thành Công năm 2022

Hôm nay, hồi 08 giờ ngày 10 tháng 10 năm 2023, tại UBND xã Thành Công thành phần gồm có:

- 1/ Đồng chí: Đặng Văn Ty - Chủ tịch UBND .
- 2/ Đồng chí: Vũ Thị Lan - Chủ tịch UBMTTQ.
- 3/ Đồng chí: Trần Thế Ngọc - Kế toán UBND.
- 4/ Đồng chí: Tạ Thị Luyến - Văn phòng UBND.

***/ Nội dung:** Công khai Quyết toán thu - chi ngân sách của UBND xã năm 2022 với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Quyết định công khai quyết toán và các Biểu công khai số liệu quyết toán thu - chi ngân sách năm 2022 của UBND xã Thành Công.

(Có phụ biểu kèm theo)

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 10/10/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại UBND xã Thành Công, Công thông tin điện tử của xã Thành Công.

Biên bản lập xong hồi 09 giờ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN



Tạ Thị Luyến



Đặng Văn Ty

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ HỌP

Kế toán



Trần Thế Ngọc

Chủ tịch UBMTTQ Xã



Vũ Thị Lan

BIÊN BẢN

**Xác nhận kết quả niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách
UBND xã Thành Công năm 2022**

Hôm nay, hồi 08 giờ ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại UBND xã Thành Công thành phần gồm có:

- 1/ Đồng chí: Đặng Văn Ty - Chủ tịch UBND .
- 2/ Đồng chí: Vũ Thị Lan - Chủ tịch UBMTTQ.
- 3/ Đồng chí: Trần Thế Ngọc - Kế toán UBND.
- 4/ Đồng chí: Tạ Thị Luyến - Văn phòng UBND.

***/ Nội dung:** Xác nhận kết quả niêm yết công khai Quyết toán thu - chi ngân sách của UBND xã năm 2022 với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Quyết định công khai quyết toán và các Biểu công khai số liệu quyết toán thu - chi ngân sách năm 2022 của UBND xã Thành Công.

(Có phụ biểu kèm theo)

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 10/10/2023 đến hết ngày 31/12/2023.
- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại UBND xã Thành Công, Cổng thông tin điện tử của xã Thành Công.

Biên bản lập xong hồi 09 giờ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN



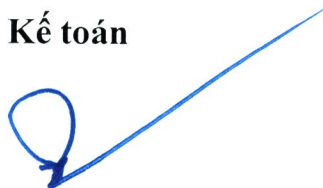
Tạ Thị Luyến



Đặng Văn Ty

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ HỌP

Kế toán



Trần Thế Ngọc

Chủ tịch UBMTTQ Xã



Vũ Thị Lan

CÁN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
Tổng số thu	14 364 255 249	Tổng số chi	14 358 158 769
I- Các khoản thu xã hưởng 100%	160 842 000	I. Chi đầu tư phát triển	5 457 041 978
II- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	346 518 828	II. Chi thường xuyên	7 992 576 371
III- Thu bổ sung	13 785 511 075	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau(nếu có)	908 540 420
Thu bổ sung cân đối	6 459 192 000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
Thu bổ sung có mục tiêu	7 326 319 075		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	5 383 346		
V- Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã(nếu có)	66 000 000		
Kết dư ngân sách	6 096 480		

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh %	
		Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng thu	14 582 550 075	14 069 050 075	14 778 740 574	14 364 255 249	101,35	102,10
I	Các khoản thu 100%	85 000 000	85 000 000	194 164 047	160 842 000	228,43	189,23
1	Phí, lệ phí	70 000 000	70 000 000	97 881 000	97 881 000	139,83	139,83
2	Thu từ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			62 961 000	62 961 000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sử hữu của NN theo qui định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	15 000 000	15 000 000	33 322 047		222,15	0,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	695 000 000	181 500 000	727 682 106	346 518 828	104,70	190,92
1	Các khoản thu phân chia	220 000 000	150 000 000	688 087 753	319 909 691	312,77	213,27
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	110 000 000	110 000 000	145 119 061	145 119 061	131,93	131,93
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	10 000 000	10 000 000	17 000 000	17 000 000	170,00	170,00
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	100 000 000	30 000 000	525 968 692	157 790 630	525,97	525,97
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	475 000 000	31 500 000	39 594 353	26 609 137	8,34	84,47
	Thuế GTGT	45 000 000	31 500 000	38 164 157	26 609 137	84,81	84,47
	Thuế thu nhập cá nhân	430 000 000		1 430 196		0,33	
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			66 000 000	66 000 000		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			5 383 346	5 383 346		

VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	13 802 550 075	13 802 550 075	13 785 511 075	13 785 511 075	99,88	99,88
	- Thu bổ sung cân đối	6 476 231 000	6 476 231 000	6 459 192 000	6 459 192 000	99,74	99,74
	- Thu bổ sung có mục tiêu	7 326 319 075	7 326 319 075	7 326 319 075	7 326 319 075		

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN(1) NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: tr đồng

Tên công trình	Thời gian KC - HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2022			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán KL năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
Tổng số		14658, 993855	3665, 834747		5457, 041978		5457, 041978	
1. Công trình chuyển tiếp		7753, 036762	2284, 643329		3554, 087		3554, 087	
Xây dựng tuyến đường trục xã từ Đ1274 đi qua xóm Xuân Dương nối với đường Suối Lành, xã Thành Công.	2017-2018	412,677000	82,535400		227,454000		227,454000	
Đường BTXM Xóm Nhội, xã Thành Công (đợt 2)	2018-2019	713,128777	213,938633		165,109000		165,109000	
Đường BTXM xóm Na Lang 2, xã Thành Công (đợt 2)	2019-2020	267,942000	80,382600		84,592000		84,592000	
Đường BTXM xóm Tom 1, xã Thành Công (đợt 2)	2019-2020	172,866000	51,859800		51,665000		51,665000	
Đường GTNT xóm Thượng Vụ 1, xã Thành Công năm 2020	2020	267,023265	80,106980		80,562000		80,562000	
Đường GTNT xóm Đất, xã Thành Công năm 2020	2020	191,363566	57,409070		58,426000		58,426000	
Đường GTNT xóm Bìa, xã Thành Công năm 2020	2020	300,178143	90,053443		90,994000		90,994000	
Đường GTNT xóm An Thịnh, xã Thành Công năm 2020	2020	310,440816	93,132245		94,033000		94,033000	
Đường GTNT xóm Xuân Hà 4 xã Thành Công năm 2021 (đợt 2)	2021	351,309173	105,392752		193,861000		193,861000	
Đường GTNT xóm Xuân Hà 1 xã Thành Công năm 2021	2021	732,396731	219,719019		404,116000		404,116000	
Đường GTNT xóm Thượng Vụ 2 xã Thành Công năm 2021 (đợt 2)	2021	302,034520	90,610356		148,981500		148,981500	
Đường GTNT xóm Đám Đanh, xã Thành Công, năm 2021	2021	163,956304	49,186891		48,810000		48,810000	
Đường GTNT xóm Cầu Dài, xã Thành Công, năm 2021	2021	366,041983	109,812595		108,603500		108,603500	
Đường GTNT xóm Hạ Đạt, xã Thành Công, năm 2021	2021	386,532429	115,959729		217,990000		217,990000	
Đường GTNT xóm Làng Đanh, xã Thành Công năm 2021	2021	347,302242	104,190673		195,860000		195,860000	
Đường GTNT xóm Nhe, xã Thành Công, năm 2021	2021	711,401077	213,420323		401,211000		401,211000	
Đường GTNT xóm Vạn Phú, xã Thành Công năm 2021	2021	544,529216	163,358765		307,081000		307,081000	
Đường GTNT xóm Xuân Hà 3, xã Thành Công, năm 2021	2021	158,568127	47,570438		89,422000		89,422000	
Đường GTNT xóm Thượng Vụ 1, xã Thành Công, năm 2021	2021	166,118986	49,835696		91,630000		91,630000	
Đường GTNT xóm Đất, xã Thành Công, năm 2021	2021	547,437569	164,231271		302,056000		302,056000	
Đường GTNT xóm Đông Đông, xã Thành Công, năm 2021 (đợt 2)	2021	339,788838	101,936651		191,630000		191,630000	
2. Công trình khởi công mới		6905, 957 093	1381, 191 419		1902, 954 978		1902, 954 978	
Đường GTNT xóm Ao Sen xã Thành Công năm 2022	2022	1.773,427244	354,685449		679,542360		679,542360	
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Thành Công năm 2021	2022	5.132,529849	1.026,505970		1223,412618		1223,412618	

QUYẾT TOÁN THỰC HIỆN THU CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Nội dung	Kế hoạch năm 2022		Chênh lệch	Thực hiện năm 2022		Chênh lệch
	Thu	Chi		Thu	Chi	
Tổng số						
ngoài ngân sách	472 266 500	472 266 500		425 617 357	220 193 106	205 424 251
Đền ơn đáp nghĩa	88 411 000	88 411 000		77 196 000	22 488 000	54 708 000
Trẻ thơ	53 225 500	53 225 500		45 618 500	45 150 000	468 500
Quỹ chăm sóc người cao tuổi	56 071 000	56 071 000		50 448 357	27 469 966	22 978 391
Quỹ Da cam	64 247 000	64 247 000		56 287 209	32 971 140	23 316 069
Quỹ nhân đạo	64 477 000	64 477 000		56 486 500	7 250 000	49 236 500
Quỹ khuyến học	89 982 000	89 982 000		81 687 000	69 614 000	12 073 000
Quỹ vì người nghèo	55 853 000	55 853 000		57 893 791	15 250 000	42 643 791
2. Các hoạt động sự nghiệp		6237 572 118			5643 341 978	594 230 140
<i>Sự nghiệp kinh tế</i>		<i>6212 572 118</i>			<i>5637 041 978</i>	<i>575 530 140</i>
Sự nghiệp Nông - lâm - thủy lợi- hải sản		180 000 000			180 000 000	
Giao thông		6032 572 118			5457 041 978	575 530 140
Bến bãi						
<i>Sự nghiệp văn xã</i>		<i>25 000 000</i>			<i>6 300 000</i>	<i>18 700 000</i>
Y tế xã						
Mâm non						
Giáo dục khác						
Văn hoá nghệ thuật						
Thể dục thể thao		25 000 000			6 300 000	18 700 000

